SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
Số: 673 /CCQLCL-QLCLCBTMNS
V/v thông báo quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Thành viên WTO từ ngày 16/10-31/10/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 11 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên;
- Hội Chè tỉnh Thái Nguyên;
- Hội Chăn nuôi - Thú y Thái Nguyên;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản.

Thực hiện Thông báo số 919/TB-SPS-BNNMT ngày 02/11/2026 của Văn phòng SPS Việt Nam về tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 16/10 - 31/10/2026.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản gửi đến các đơn vị 30 thông báo trong đó có 16 thông báo có hiệu lực và 14 thông báo dự thảo lấy ý kiến. Đề nghị Hội Chè tỉnh Thái Nguyên; Hội Chăn nuôi - Thú y Thái Nguyên, Uỷ ban nhân dân các xã, phường thông báo tới các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm sản biết và thực hiện; Trung tâm Khuyến nông phối hợp đăng tải thông tin trên Website của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Gửi kèm Thông báo số 919/TB-SPS-BNNMT ngày 02/11/2026 của Văn phòng SPS Việt Nam và nội dung chi tiết các thông báo tại Phụ lục kèm theo)

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản gửi các đơn vị, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, QLCLCBTMNS.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THUỶ SẢN TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Quỳnh Hương

Phụ lục: **DANH SÁCH THÔNG BÁO DỰ THẢO VÀ QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TỪ NGÀY 16 – 31/10/2026**

(Kèm theo Công văn số: 673 /CCQLCL-QLCLCBTMNS ngày 05 /11/2026 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tỉnh Thái Nguyên)

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/JPN/1434	TTBVTV	Nhật Bản	30/10/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất Tiadinil trong một số loại thực phẩm.	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hoạt chất Tiadinil trong một số loại thực phẩm nhằm tạo thuận lợi trong thương mại. Theo đó, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với thịt cơ bò, thịt cơ của các loài thú có vú trên cạn khác từ 0,01 lên 0,02 mg/kg; mỡ, gan bò và các loài thú có vú trên cạn khác từ 0,01 lên 0,04 mg/kg; thận và phụ phẩm ăn được của bò và các loài thú có vú trên cạn khác từ 0,02 lên 0,08 mg/kg; và sữa từ 0,01 lên 0,03 mg/kg. Các mặt hàng khác giữ nguyên mức hiện hành.
						Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất Fenazaquin trong một số loại thực phẩm.

2	G/SPS/N/JPN/1435	TTBVTV	Nhật Bản	30/10/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất Fenazaquin trong một số loại thực phẩm.	Theo đó, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với cà chua từ 0,01 lên 2 mg/kg; ớt ngọt (pimiento) từ 0,01 lên 4 mg/kg; cà tím từ 0,01 lên 1 mg/kg; các loại rau họ cà khác từ 0,01 lên 0,3 mg/kg; táo từ 0,01 lên 0,3 mg/kg; dưa chuột (bao gồm cả dưa chuột bao tử) từ 0,3 lên 0,8 mg/kg; dưa hấu và các loại dưa (melons) từ 0,3 lên 0,5 mg/kg; các loại quả có múi (bao gồm cam Unshu, Citrus natsudaidai, chanh vàng, cam (bao gồm cam navel), bưởi, chanh xanh và các loại quả có múi khác) từ 0,4 lên 1 mg/kg; dâu tây từ 2 lên 4 mg/kg; các loại gia vị khác từ 0,4 lên 8 mg/kg; các sản phẩm động vật bao gồm thịt, mỡ, gan, thận và phụ phẩm ăn được của bò, lợn, các động vật có vú trên cạn khác, cùng với sữa và động vật thủy sản từ 0,01 lên 0,02 mg/kg; và mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa) từ 0,01 lên 0,05 mg/kg. Ngược lại, Nhật Bản đề xuất giảm mức MRL đối với chanh dây từ 0,7 xuống 0,01 mg/kg; và trà từ 10 xuống 9 mg/kg. Các mặt hàng khác giữ nguyên mức hiện hành hoặc áp dụng mức giới hạn chung 0,01 mg/kg. Định nghĩa dư lượng giữ nguyên không thay đổi. ***Thời hạn góp ý trước ngày 29/12/2026.***
						Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với hoạt chất 1,3-Dichloropropene trong một số loại thực phẩm nhằm tạo thuận lợi trong thương mại.

3	G/SPS/N/JPN/1436	TTBVTV	Nhật Bản	30/10/2026	Nhật Bản dự thảo sửa đổi mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất 1,3-Dichloropropene trong một số loại thực phẩm.	Theo đó, Nhật Bản đề xuất tăng mức MRL đối với mật ong (bao gồm cả sữa ong chúa) từ 0,01 lên 0,05 mg/kg và giữ nguyên mức MRL 0,01 mg/kg đối với các mặt hàng khác được liệt kê (đậu tương khô, đậu phộng, khoai tây, khoai môn, cà rốt, cà chua, cà tím...). Áp dụng mức MRL chung 0,01 mg/kg đối với các mặt hàng không được liệt kê.
4	G/SPS/N/UKR/284	CNTY	U-crai-na	30/10/2026	U-crai-na dự thảo Quyết định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm về việc phê duyệt danh mục các chất có tác dụng hormone hoặc ức chế tuyến giáp và các chất chủ vận beta bị cấm sử dụng trong chăn nuôi.	U-crai-na dự thảo Quyết định của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm về việc phê duyệt danh mục các chất có tác dụng hormone hoặc ức chế tuyến giáp và các chất chủ vận beta bị cấm sử dụng trong chăn nuôi. Dự thảo này áp dụng đối với động vật sống, thịt và phụ phẩm thịt ăn được; cá, động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống thủy sinh khác; sản phẩm từ sữa, trứng gia cầm và các sản phẩm ăn được có nguồn gốc động vật. Phạm vi điều chỉnh cũng bao gồm mỡ, dầu động vật, mỡ ăn được đã chế biến, sáp động vật, các thực phẩm chế biến từ thịt hoặc thủy hải sản và các chế phẩm ăn được hỗn hợp khác. Việc phê duyệt danh mục các chất cấm này được thực hiện dựa trên Luật của U-crai-na về Thú y và Phúc lợi động vật, đồng thời nhằm đáp ứng chương trình quốc gia về việc điều chỉnh pháp luật U-crai-na cho phù hợp với các quy định của Liên minh châu Âu. Quy định này dự

						kiến sẽ có hiệu lực kể từ ngày được công bố chính thức. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý trước ngày 29/12/2026.***
5	G/SPS/N/EU/987	TTBVTV	Liên minh châu Âu	30/10/2026	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 và Quy định (EU) 2022/1941 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong lãnh thổ EU của các sinh vật gây hại *Aleurocanthus spiniferus*, *Agrilus planipennis*, *Chloridea virescens*, *Fusarium oxysporum f. sp. cubense* Tropical Race 4, *Hirschmanniella spp.*, *Meloidogyne enterolobii*, vi rút xoăn lá mâm xôi, *Spodoptera ornithogalli*, *Spodoptera praefica*, vi rút xoăn lá dâu tây, *Thaumatotibia leucotreta*, *Toumeyella parvicornis* và *Xanthomonas citri pv. viticola*; thay đổi vùng được bảo vệ đối với *Beet necrotic yellow vein virus* và *Erwinia amylovora*.	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi Quy định (EU) 2019/2072 và Quy định (EU) 2022/1941 về các biện pháp ngăn chặn sự xâm nhập và lây lan trong lãnh thổ EU của các sinh vật gây hại: *Aleurocanthus spiniferus*, *Agrilus planipennis*, *Chloridea virescens*, *Fusarium oxysporum f. sp. cubense* Tropical Race 4, *Hirschmanniella spp.*, *Meloidogyne enterolobii*, vi rút xoăn lá mâm xôi, *Spodoptera ornithogalli*, *Spodoptera praefica*, vi rút xoăn lá dâu tây, *Thaumatotibia leucotreta*, *Toumeyella parvicornis* và *Xanthomonas citri pv. viticola*; thay đổi vùng được bảo vệ đối với *Beet necrotic yellow vein virus* và *Erwinia amylovora*. Theo đó, dự thảo quy định danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch của Liên minh, sinh vật gây hại kiểm dịch tại vùng được bảo vệ và sinh vật gây hại không kiểm dịch được điều chỉnh (RNQP), cũng như các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu và lưu thông nội bộ. Dự thảo dựa trên các đánh giá khoa học mới của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (EFSA), Tổ chức Bảo vệ thực vật châu Âu và Địa Trung Hải (EPPO) và các nước thành viên. Các nội dung chính gồm:

						(1) Loại khỏi danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch: *Aleurocanthus spiniferus* (đã định cư tại một số vùng của Crô-a-ti-a, Pháp, Hy Lạp và I-ta-li-a, không thể diệt trừ, được kiểm soát bằng biện pháp canh tác thông thường và không gây thiệt hại kinh tế đáng kể), vi rút xoăn lá mâm xôi và vi rút xoăn lá dâu tây (danh tính chưa xác định và chưa có quy trình chẩn đoán được kiểm chứng); đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2022/1927 về biện pháp ngăn chặn sự lây lan của *Aleurocanthus spiniferus*. (2) Đưa vào danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch: *Xanthomonas citri* pv. *viticola* (gây đốm lá và loét thân trên nho), *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense* Tropical Race 4 (gây bệnh nấm nghiêm trọng trên chuối), *Chloridea virescens*, *Spodoptera ornithogalli* và *Spodoptera praefica*. Riêng *Chloridea virescens* và *Spodoptera ornithogalli* sẽ được xóa khỏi Phụ lục của Quy định (EU) 2022/1941 do đã nằm trong danh mục kiểm dịch. Đối với *Fusarium oxysporum* f. sp. *cubense* TR4, dự thảo bổ sung yêu cầu nhập khẩu đối với cây giống chuối (*Musa* L., trừ phấn hoa và cây nuôi cấy mô): có nguồn gốc từ nước hoặc vùng không có sinh vật gây hại (vùng này phải ghi trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và thông báo trước bằng văn bản cho Ủy ban châu Âu), hoặc từ nơi sản xuất không có sinh vật gây hại kèm thông tin truy xuất nguồn gốc trên giấy chứng nhận.

						(3) Cập nhật yêu cầu nhập khẩu và lưu thông: cây giống có rễ (trừ cây nuôi cấy mô) đối với *Meloidogyne enterolobii* phải đáp ứng một trong các điều kiện, như có nguồn gốc từ nước hoặc vùng không có sinh vật gây hại, nơi sản xuất không có sinh vật gây hại với kiểm tra hằng năm và lấy mẫu để phát hiện mức nhiễm tối thiểu 1% với độ tin cậy 95%, hoặc rễ chỉ tiếp xúc với giá thể đã được xử lý hoặc không chứa đất; cây giống thủy sinh (*Anubias*, *Cabomba*, *Ceratophyllum*, *Cryptocoryne*, *Echinodorus*, *Hydrocotyle*, *Hygrophila*, *Myriophyllum*, *Najas*, *Nelumbo*, *Vallisneria*) nhập khẩu từ các nước, trừ Thụy Sĩ, phải được kiểm nghiệm chính thức để loại trừ tuyến trùng (trong đó có *Hirschmanniella*), nhằm mở rộng sang các loài thủy sinh ký chủ khác; hoa hồng cắt cành và quả ớt, đào, lựu, các loại quả có múi khác nhập khẩu từ các nước châu Phi, Cabo Verde, Saint Helena, Ma-đa-gát-xca, La Réunion, Mô-ri-xơ và I-xra-en phải ghi mã nơi hoặc điểm sản xuất trên giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và trên từng bao gói nếu có, để kiểm soát *Thaumatotibia leucotreta*, đồng thời bỏ một số yêu cầu đã lỗi thời; loại Đài Loan (Trung Quốc) khỏi danh sách nước có yêu cầu nhập khẩu đối với *Agrilus planipennis* vì dịch hại này đã được công nhận không còn xuất hiện tại đó. (4) *Toumeyella parvicornis* được đưa vào danh mục RNQP đối với cây giống thuộc chi *Pinus* (ngưỡng 0%), kèm biện pháp phòng ngừa lây lan như cây được trồng tại khu vực không có

						dịch hại, hoặc cao không quá 2 m, không có triệu chứng trong 3 vụ sinh trưởng gần nhất và được kiểm tra trước khi vận chuyển. (5) Thay đổi vùng được bảo vệ: các tỉnh Álava và Vizcaya (xứ Basque) và Cộng đồng tự trị Cantabria của Tây Ban Nha không còn là vùng được bảo vệ đối với *Erwinia amylovora*, quần đảo Azores của Bồ Đào Nha không còn là vùng được bảo vệ đối với *Beet necrotic yellow vein virus*, theo đề nghị của hai nước. (6) Làm rõ và hiệu chỉnh tên khoa học: *Myndus crudus* đổi thành *Haplaxius crudus*; *Toxotrypana curvicauda* và *T. recurcauda* đổi thành *Anastrepha curvicauda* và *A. recurcauda*; *Eucalyptus ficifolia* đổi thành *Corymbia ficifolia*; *Gibberella fujikuroi* đổi thành *Fusarium fujikuroi*. Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào tháng 02/2027, có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố. Quy định về mã trên bao gói đối với Thaumatotibia leucotreta áp dụng từ ngày đầu tiên của tháng thứ tư sau khi công bố; việc đưa vào danh mục các sinh vật gây hại mới và các yêu cầu mới, cập nhật áp dụng từ ngày đầu tiên của tháng thứ bảy sau khi công bố. ***Thời hạn góp ý kiến trước ngày 29/12/2026.***

6	G/SPS/N/TUR/126/Add.1	ATTP	Thổ Nhĩ Kỳ	30/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc sửa đổi Quy định của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phụ gia thực phẩm.	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc sửa đổi Quy định của Bộ luật Thực phẩm Thổ Nhĩ Kỳ về phụ gia thực phẩm. Theo đó, Quy định được cập nhật theo các sửa đổi mới của Liên minh châu Âu và bổ sung một số điều chỉnh để phù hợp điều kiện trong nước. Các nội dung sửa đổi chính gồm: (1) Bổ sung phụ gia mới: E 267 (giấm đệm, chất bảo quản và điều chỉnh độ axit, nhóm I, dùng ở mức quantum satis), E 345(i) (trimagnesium dicitrate, chất ổn định và chống vón cục dùng trong thực phẩm bổ sung dạng rắn, nhóm 17.1) và E 960b (steviol glycoside sản xuất bằng lên men, áp dụng cùng điều kiện với nhóm E 960a–960d). (2) Siết chặt hoặc loại bỏ: giảm mức tối đa được phép bổ sung đối với nitrit E 249–250 và nitrat E 251–252 trong thịt, sản phẩm cá chế biến và sản phẩm sữa; quy định thêm giới hạn dư lượng từ mọi nguồn trong suốt hạn sử dụng của sản phẩm, đồng thời đổi cách biểu thị từ công thức hóa học (natri nitrit, natri nitrat) sang ion NO_2 và NO_3; loại E 483 (stearyl tartrate) khỏi danh mục phụ gia được phép, thu hồi mọi cho phép sử dụng làm chất nhũ hóa; chuyển các muối tartrate E 334–337 và E 354 ra khỏi nhóm I, chỉ được dùng trong một số nhóm thực phẩm với mức tối đa quy định; thu hồi cho phép sử dụng E 466 (natri carboxymethyl cellulose) tại Phụ lục III, mục 5, phần B; cấm E 412 (gôm guar) trong sữa công thức cho trẻ sơ sinh (nhóm

						13.1.1) ; cấm bán khí E 942 (nitơ oxit) cho người tiêu dùng cuối. (3) Mở rộng phạm vi sử dụng: E 476 (polyglycerol polyricinoleate) được dùng trong kem ăn (nhóm 03) và các loại sốt nhũ tương nhóm 12.6; E 200–202 (axit sorbic, kali sorbate) được dùng trong món tráng miệng gelatin nền nước, đồng thời trong nhóm 16 (loại trừ nhóm 1, 3, 4) chỉ được dùng cho mousse thực vật không qua gia nhiệt; E 460 và E 575 được dùng trong phô mai phết mềm chưa ủ chín (nhóm 01.7.6); E 471 và E 903 (sáp carnauba) được phủ bóng bề mặt cho chanh dây, kiwi và sắn, kèm E 322 (lecithin) và E 570 (axit béo) làm chất mang trong chế phẩm đánh bóng sắn; E 301 (natri ascorbate) được dùng trong chế phẩm vitamin A vi nang cho sữa công thức; E 1202 (polyvinylpyrrolidone) làm chất mang trong viên nhuộm màu trang trí vỏ trứng; E 999 (chiết xuất Quillaia) được dùng trong thực phẩm bổ sung dạng rắn và lỏng (nhóm 17.1, 17.2) và làm chất nhũ hóa trong hương liệu. (4) Điều chỉnh danh mục thực phẩm (Phụ lục II, mục D): bổ sung nhóm 18.1 (thực phẩm chế biến khác, trừ thực phẩm cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ), 18.2 (thực phẩm thay thế bữa ăn giảm cân) và 18.3 (thực phẩm sản xuất để giảm hoặc thay thế thành phần chứa gluten); xóa các nhóm 13.1.4, 13.1.4.1, 3.1.4.2 và 13.2 (thực phẩm ăn kiêng cho mục đích y tế đặc biệt), vì thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế; đổi tên nhóm 14.2.8 thành

						"Đồ uống có cồn khác, gồm đồ uống nền cồn chưng cất khác có độ cồn dưới 15% theo thể tích", kèm điều chỉnh cho phép dùng phụ gia (một số nhóm phẩm màu, chất ổn định) trong một số đồ uống lên men truyền thống của EU; bỏ cụm "sản phẩm tương tự rượu vang không cồn" khỏi nhóm 14.2.2; trong nhóm 08 (thịt), dùng định nghĩa thay cho từ "xúc xích" để tránh nhầm với cách hiểu hẹp ở Thổ Nhĩ Kỳ. (5) Quy định riêng cho thực phẩm truyền thống: đặt giới hạn tối đa 200 mg/kg cho từng nhóm E 200–202 (axit sorbic) và E 210–213 (axit benzoic và benzoate) trong çiğ köfte chay (món thịt viên thuần chay của Thổ Nhĩ Kỳ, làm từ lúa mì bulgur nhào dẻo với sốt cà chua/ớt, tỏi, nước ép lựu cô đặc và các gia vị cay nồng) (nhóm 12.7) để kiểm soát sorbate, benzoate mang theo từ nguyên liệu; loại nước muối dưa chua khỏi danh mục nước ép trái cây và rau củ được dùng phụ gia nhóm I, với E 210–213 được dùng ở mức tối đa 200 mg/l; bổ sung hạn chế tại Phụ lục VI, cụ thể: *sucuk* cấm chất giữ nước E 400–469, E 235 (natamycin) và E 553b (talc); *sucuk* xử lý nhiệt cấm thêm E 243 (ethyl lauroyl arginate); *pastırma*, *döner* (thịt và gia cầm) và thịt viên sống hoặc chín cấm E 400–469; thịt băm *kavurma* cấm toàn bộ phụ gia. Một số phụ gia được miễn trừ: E 267 được dùng trong *çiğ köfte* (cả loại chay) và *mezze*, trong khi E 330 (axit citric) được dùng trong *köme, pestil,*

						bastık, sucuk nhân óc chó và *baklava,* dù các sản phẩm này nhìn chung cấm toàn bộ phụ gia. Quy định có hiệu lực từ ngày công bố, kèm thời gian chuyển tiếp đến 31/12/2028: các sản phẩm do doanh nghiệp thực phẩm đang hoạt động đưa ra thị trường trước ngày 31/12/2028 và thực phẩm chứa các sản phẩm này được tiếp tục lưu thông đến hết hạn sử dụng. ***Thời hạn đóng góp ý kiến là ngày 29/12/2026.***
7	G/SPS/N/EU/986	TTBVTV	Liên minh châu Âu	28/10/2026	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2019/2072 liên quan đến mã số Danh mục hàng hóa kết hợp (Combined Nomenclature – CN) đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác thuộc diện kiểm soát kiểm dịch thực vật khi nhập khẩu vào hoặc lưu thông trong Liên minh châu Âu	Liên minh châu Âu dự thảo sửa đổi Quy định thực thi (EU) 2019/2072 liên quan đến mã số Danh mục hàng hóa kết hợp (Combined Nomenclature – CN) đối với thực vật, sản phẩm thực vật và các vật thể khác thuộc diện kiểm soát kiểm dịch thực vật khi nhập khẩu vào hoặc lưu thông trong Liên minh châu Âu. Dự thảo áp dụng đối với các nhóm hàng hóa thuộc Chương HS: 07 (rau), 08 (quả), 09 (gia vị), 12 (hạt giống), 14 (sản phẩm thực vật), 25 (muối), 27 (nhiên liệu khoáng), 31 (phân bón), 38 (hóa chất khác), 44 (gỗ), 68 (sản phẩm bằng đá), 84 (máy móc), 87 (phương tiện giao thông) và 94 (nhà lắp ghép bằng gỗ). Theo đó, dự thảo đề xuất điều chỉnh mã số CN tại các Phụ lục VI, VII, X, XI và XII của Quy định thực thi (EU) 2019/2072 nhằm cập nhật các mã số đã hết hiệu lực hoặc được thay thế theo quy định về Danh mục hàng hóa và Biểu thuế hải quan chung của Liên minh châu

						Âu, đồng thời khắc phục những điểm chưa thống nhất giữa mô tả hàng hóa và mã số CN tương ứng. Các nội dung điều chỉnh bao gồm bổ sung mã số CN đối với giá thể trồng trọt và rau ăn củ, củ; cập nhật mã số đối với một số loại rau, quả, sản phẩm từ gỗ, máy móc nông nghiệp đã qua sử dụng và các sản phẩm thuộc diện kiểm soát kiểm dịch thực vật. Bên cạnh đó, căn cứ đánh giá rủi ro của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority – EFSA), dự thảo đề xuất loại bỏ mã số CN đối với gỗ dạng tấm lạng có độ dày không quá 5 mm khỏi một số danh mục kiểm soát, trừ các trường hợp liên quan đến nguy cơ hiện diện của sinh vật gây hại là nấm. Đánh giá của EFSA cho thấy nhóm sản phẩm này hầu như không có nguy cơ nhiễm vi khuẩn, côn trùng, tuyến trùng và một số loại nấm gây hại; nguy cơ đối với một số loại nấm khác được xác định ở mức rất thấp. Dự thảo cũng đề xuất loại bỏ mã số CN của các loại phào chỉ dùng làm khung tranh, khung ảnh và các mục đích khác do các sản phẩm này nhìn chung không được xem là đối tượng có nguy cơ kiểm dịch thực vật và đã được đưa vào một số danh mục trước đây do nhầm lẫn. ***Thời hạn góp ý trước ngày 27/12/2026.*** Dự thảo dự kiến được thông qua và công bố vào tháng 02–03/2027, có hiệu lực sau 20 ngày kể từ ngày công bố trên Công báo Liên minh châu

						Âu. Đối với một số biện pháp, thời điểm áp dụng là 06 tháng sau ngày công bố.
8	G/SPS/N/KOR/212/Add.25	TTBVTV	Hàn Quốc	28/10/2026	Hàn Quốc thông báo sửa đổi Danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch thực vật trên cơ sở kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (Pest Risk Analysis – PRA) và theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Quy định của Bộ trưởng về Luật Bảo vệ thực vật.	Hàn Quốc thông báo sửa đổi Danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch thực vật trên cơ sở kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (Pest Risk Analysis – PRA) và theo quy định tại Điều 4 và Điều 6 của Quy định của Bộ trưởng về Luật Bảo vệ thực vật. Theo đó, Cơ quan Kiểm dịch động thực vật Hàn Quốc (Animal and Plant Quarantine Agency – APQA), thuộc Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc (Ministry of Agriculture, Food and Rural Affairs – MAFRA), thông báo bổ sung 36 loài sinh vật gây hại vào Danh mục sinh vật gây hại kiểm dịch. Danh sách bổ sung bao gồm 10 loài nấm, 03 loài vi khuẩn, 03 loài vi-rút, 12 loài thuộc bộ bọ trĩ (Thysanoptera) và 08 loài thuộc bộ cánh cứng (Coleoptera). Toàn bộ 36 loài được phân loại là sinh vật gây hại thuộc diện kiểm soát (Controlled Pest). Việc bổ sung danh mục dự kiến có hiệu lực trong nửa đầu năm 2027. Danh sách chi tiết các loài sinh vật gây hại được bổ sung được nêu tại tài liệu đính kèm thông báo. ***Thời hạn góp ý trước ngày 27/12/2026.***
						Ma Cao (Trung Quốc) ban hành Quy định hành chính số 27/2026 sửa đổi Quy định hành chính số 23/2018 về giới hạn tối đa kim loại

9	G/SPS/N/MAC/23/Rev.1	TTBVTV, CNTY, ATTP, BCT	Ma Cao (Trung Quốc)	28/10/2026	Ma Cao (Trung Quốc) ban hành Quy định hành chính số 27/2026 sửa đổi Quy định hành chính số 23/2018 về giới hạn tối đa kim loại nặng gây ô nhiễm trong thực phẩm.	nặng gây ô nhiễm trong thực phẩm. Cục Quản lý Đô thị (Instituto para os Assuntos Municipais, viết tắt là IAM) là cơ quan phụ trách thực hiện quy định. Việc sửa đổi được thực hiện trên cơ sở các tiêu chuẩn mới nhất do Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex) khuyến nghị, cùng các tiêu chuẩn của những quốc gia và khu vực cung cấp thực phẩm chủ yếu cho Ma Cao (Trung Quốc); đồng thời được xem xét thông qua đánh giá rủi ro nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Quy định sửa đổi quy định tổng cộng 165 mức giới hạn tối đa dư lượng (MRLs) đối với các chất ô nhiễm kim loại nặng trong từng nhóm thực phẩm cụ thể, trong đó 92 giới hạn được điều chỉnh hoặc bổ sung mới. Danh mục kèm theo quy định các giới hạn đối với những chất ô nhiễm như asen tổng số, asen vô cơ, cadimi, chì, thủy ngân tổng số, metyl thủy ngân và thiếc, áp dụng cho nhiều nhóm thực phẩm. Quy định được thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 29/9/2026 và có hiệu lực từ ngày 01/4/2027. Theo thông báo, thời gian chuyển tiếp khoảng 06 tháng kể từ ngày công bố được dành để ngành thực phẩm điều chỉnh quy trình nhập khẩu, kiểm soát an toàn thực phẩm và để các phòng thử nghiệm trong nước xây dựng, thẩm định năng lực phân tích phù hợp với yêu cầu mới.

						Thời hạn tiếp nhận ý kiến: không áp dụng.
10	G/SPS/N/THA/216/Add.7	TTBVTV	Thái Lan	28/10/2026	Thái Lan bổ sung tiêu chuẩn chứng nhận FSSC 22000 phiên bản 6.0 vào danh mục tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng tiêu chuẩn bắt buộc đối với đậu phộng.	Thái Lan bổ sung tiêu chuẩn chứng nhận FSSC 22000 phiên bản 6.0 vào danh mục tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng tiêu chuẩn bắt buộc đối với đậu phộng. Theo đó, các tiêu chuẩn quốc tế đáp ứng Quy định cấp Bộ về việc ban hành Tiêu chuẩn hàng hóa nông nghiệp Thái Lan đối với đậu phộng – Giới hạn tối đa Aflatoxin, được áp dụng là tiêu chuẩn bắt buộc, bao gồm: 1. Các tiêu chuẩn hệ thống hoặc tiêu chuẩn hệ thống sản xuất, cụ thể như sau: a) Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp với các Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm của Codex hoặc tiêu chuẩn tương đương; b) Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) phù hợp với các Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm của Codex hoặc tiêu chuẩn tương đương; c) Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (FSMS) phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 22000; d) Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm, phiên bản 9, do Hiệp hội các nhà bán lẻ Anh (British Retail Consortium) ban hành; e) Chương trình chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000, phiên bản 6.0, do

						Tổ chức Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm ban hành. 2. Các tiêu chuẩn phân tích Aflatoxin do tổ chức quốc gia hoặc tổ chức quốc tế ban hành, chẳng hạn như Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentarius – Codex), Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), AOAC International (AOAC); hoặc các phương pháp phân tích được công bố trong sổ tay hoặc tạp chí quốc tế; hoặc các phương pháp phân tích có kết quả thẩm định thu được thông qua các quy trình được công nhận. ***Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày công bố 05/10/2026.***
11	G/SPS/N/THA/816	BCT	Thái Lan	28/10/2026	Thái Lan dự thảo Quy định của Bộ Y tế về sữa có hương vị	Thái Lan dự thảo Quy định của Bộ Y tế về sữa có hương vị. Để đảm bảo lộ trình thực thi, quy định đặt ra thời gian chuyển tiếp áp dụng đối với nhãn mác hàng hóa. Các sản phẩm sữa có hương vị chưa tuân thủ quy định mới này nhưng đã đáp ứng các quy định trước đó, bao gồm Thông báo số 351 năm 2013 và Thông báo sửa đổi số 407 năm 2019, vẫn được phép tiếp tục bán trên thị trường. Tuy nhiên, thời hạn tối đa để tiếp tục kinh doanh các sản phẩm có nhãn cũ này là không vượt quá 01 năm kể từ ngày quy định mới chính thức có hiệu lực. Quy định dự kiến có hiệu lực vào ngày liền sau ngày được đăng trên Công báo Chính phủ Thái Lan.

						Thời hạn tiếp nhận ý kiến trước ngày 27/12/2026.
12	G/SPS/N/THA/817	BCT	Thái Lan	28/10/2026	Thái Lan thông báo dự thảo sửa đổi quy định về sữa bò	Thái Lan thông báo dự thảo sửa đổi quy định về sữa bò. Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Thái Lan (Thai FDA) thông báo dự thảo Thông báo của Bộ Y tế công cộng về sữa bò (lần thứ 3), được ban hành theo Luật Thực phẩm B.E. 2522 (1979). Dự thảo sửa đổi Thông báo số 350 B.E. 2556 (2013) về sữa bò, nhằm điều chỉnh định nghĩa và cách ghi tên đối với sản phẩm sữa bò tươi dạng lỏng nguyên chất và sữa bò tái tổ hợp, qua đó bảo đảm thông tin ghi nhãn chính xác cho người tiêu dùng và nâng cao hiệu quả bảo vệ an toàn cho người tiêu dùng. Cụ thể, dự thảo sửa đổi định nghĩa sữa bò tươi dạng lỏng nguyên chất, làm rõ sản phẩm phải được sản xuất hoàn toàn từ sữa nguyên liệu lấy từ bò, không qua quá trình tách thành phần hoặc bổ sung chất khác, ngoại trừ việc điều chỉnh hàm lượng chất béo bằng phương pháp tách; đồng thời bổ sung các phương pháp xử lý như thanh trùng ở nhiệt độ không quá 80°C, tiệt trùng, xử lý nhiệt độ siêu cao (UHT) hoặc các phương pháp tương đương. Hàm lượng chất béo trong sản phẩm phải đạt tối thiểu 3,2% khối lượng. Đối với sữa bò tái tổ hợp, dự thảo làm rõ sản phẩm được sản xuất từ sữa bột hoặc bằng cách tái tổ hợp các thành phần đã tách riêng từ sữa bò như whey, casein và lactose; đồng thời yêu cầu chất lượng hoặc tiêu chuẩn của sản phẩm phải tương đương với sữa bò tươi dạng lỏng nguyên chất hoặc sữa bò

						dạng lỏng nguyên chất. Bên cạnh đó, dự thảo quy định cụ thể cách phân loại và ghi tên sản phẩm theo nguyên liệu sử dụng và phương pháp xử lý, bao gồm sữa bò tươi nguyên kem, sữa bò tươi ít béo và sữa bò tươi tách béo; đồng thời yêu cầu tên sản phẩm sữa bò tái tổ hợp phải kèm theo thông tin thể hiện sản phẩm được làm từ sữa bột hoặc từ việc tái tổ hợp các thành phần đã tách riêng của sữa bò. Các yêu cầu về tên gọi cũng được áp dụng đối với các dạng sữa đặc tái tổ hợp, gồm sữa đặc không đường và sữa đặc có đường, tương ứng với các mức hàm lượng chất béo khác nhau. Đáng chú ý, dự thảo cho phép các sản phẩm sữa bò có nhãn chưa phù hợp với quy định sửa đổi tiếp tục được lưu thông trong thời hạn không quá 01 năm kể từ ngày quy định có hiệu lực, với điều kiện vẫn tuân thủ các yêu cầu của Thông báo số 350 B.E. 2556 (2013). Dự thảo chưa xác định ngày thông qua và ngày công bố; dự kiến có hiệu lực từ ngày tiếp theo ngày đăng Công báo. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý trước 27/12/2026.***
						U-crai-na thông báo ban hành Lệnh số 10 ngày 01/9/2026 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực U-crai-na về việc sửa đổi Danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có

13	G/SPS/N/UKR/275/Add.1	CNTY, TTBVTV	U-crai-na	28/10/2026	U-crai-na thông báo ban hành Lệnh số 10 ngày 01/9/2026 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực U-crai-na về việc sửa đổi Danh mục thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật mà các lô hàng phải chịu kiểm soát nhà nước tăng cường khi nhập khẩu hoặc vận chuyển vào lãnh thổ hải quan U-crai-na.	nguồn gốc phi động vật mà các lô hàng phải chịu kiểm soát nhà nước tăng cường khi nhập khẩu hoặc vận chuyển vào lãnh thổ hải quan U-crai-na. Lệnh này sửa đổi Danh mục được ban hành kèm theo Lệnh số 158 ngày 26/3/2018 của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực U-crai-na, bằng cách thay thế danh mục hiện hành bằng danh mục mới. Danh mục quy định cụ thể quốc gia xuất xứ, tên hàng hóa và mục đích sử dụng, mã hàng hóa theo Danh mục phân loại hàng hóa ngoại thương U-crai-na (UKTZED), cùng các yếu tố nguy cơ cần kiểm tra. Các mặt hàng thuộc diện kiểm soát bao gồm nhiều nhóm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi có nguồn gốc phi động vật từ các quốc gia khác nhau, với các yếu tố nguy cơ được xác định như aflatoxin, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, *Salmonella*, Ochratoxin A và phẩm màu Sudan. Đối với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, việc kiểm tra áp dụng đối với các chất có mức dư lượng tối đa được quy định trong pháp luật U-crai-na và có thể phân tích bằng các phương pháp đa dư lượng dựa trên GC-MS và LC-MS. Đối với Việt Nam, Danh mục có quy định mặt hàng sầu riêng (Durio zibethinus) tươi hoặc ướp lạnh, mã hàng hóa 0810 60 00 00, thuộc diện kiểm soát tăng cường đối với yếu tố nguy cơ là dư lượng thuốc bảo vệ thực vật. Lệnh số 10 được đăng ký tại Bộ Tư pháp U-crai-na ngày 30/9/2026, theo số 1303/46697,

						và được công bố chính thức, có hiệu lực từ ngày 16/10/2026. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến: không áp dụng.***
14	G/SPS/N/GBR/135	CNTY, TTBVTV	Vương quốc Anh	27/10/2026	Vương quốc Anh thông báo áp dụng biện pháp khẩn cấp cấm nhập khẩu cỏ khô, rơm rạ và một số phụ phẩm động vật có nguy cơ lây nhiễm bệnh lở mồm long móng .	Vương quốc Anh thông báo áp dụng biện pháp khẩn cấp cấm nhập khẩu cỏ khô, rơm rạ và một số phụ phẩm động vật có nguy cơ lây nhiễm bệnh lở mồm long móng (FMD). Biện pháp này nhằm ngăn chặn nguy cơ xâm nhập của bệnh lở mồm long móng vào Vương quốc Anh. Cụ thể, cấm nhập khẩu cỏ khô, rơm rạ và các phụ phẩm động vật từ các loài cảm nhiễm với FMD (thuộc các nhóm mã HS 04, 05, 12, 15, 23, 30, 31, 35, 41, 51 và 97) từ bất kỳ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào không được Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) công nhận là vùng an toàn dịch bệnh lở mồm long móng (có hoặc không tiêm phòng). Quy định này phù hợp với khuyến nghị tại các Điều 8.8.28, 8.8.30, 8.8.32, 8.8.33 và 8.8.36-8.8.40 của Bộ luật Thú y trên cạn của WOAH. Lệnh cấm không áp dụng đối với sản phẩm trung gian, mẫu thương mại hoặc mẫu nghiên cứu và chẩn đoán. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 27/10/2026.***
						Thổ Nhĩ Kỳ thông báo cập nhật quy định thực thi các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với

15	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.8	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	27/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo cập nhật quy định thực thi các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nhập khẩu gỗ óc chó (*Juglans* L.), gỗ mại châu (*Pterocarya* Kunth) và gỗ sồi (*Quercus* L.).	nhập khẩu gỗ óc chó (Juglans L.), gỗ mại châu (Pterocarya Kunth) và gỗ sồi (Quercus L.). Nội dung cập nhật áp dụng cho các quy định tại Điều 168, 190 và 191 thuộc Phụ lục 4 của Quy định Kiểm dịch Thực vật Thổ Nhĩ Kỳ. Đối với gỗ óc chó và gỗ mại châu có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, lô hàng phải đáp ứng một trong các điều kiện: có nguồn gốc từ vùng không có dịch hại *Geosmithia morbida* và vector *Pityophthorus juglandis* (ghi rõ tên vùng trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật); hoặc đã qua xử lý nhiệt đạt nhiệt độ tối thiểu 56°C trong lõi gỗ ít nhất 30 phút (có dấu "HT"); hoặc bề mặt gỗ đã được cắt vuông hoàn toàn. Đối với gỗ sồi và các sản phẩm dăm bào, mùn cưa từ gỗ sồi có nguồn gốc từ các quốc gia có dịch hại *Bretziella fagacearum*, lô hàng phải được cắt vuông hoàn toàn; hoặc loại bỏ vỏ với độ ẩm dưới 20%; hoặc khử trùng bằng không khí/nước nóng; hoặc xử lý nhiệt 56°C trong 30 phút; hoặc sấy khô bằng lò (độ ẩm dưới 20%). Đối với dăm bào, mùn cưa, phải qua sấy lò (độ ẩm dưới 20%), xông hơi khử trùng hoặc xử lý nhiệt 56°C. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 27/10/2026.***
						Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm Ô-xtrây-li-a và

16	G/SPS/N/AUS/643	ATTP, TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	26/10/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ luật Tiêu chuẩn thực phẩm Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân về mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với một số hoạt chất nông nghiệp và thú y trong thực phẩm.	Niu Di-lân về mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với một số hoạt chất nông nghiệp và thú y trong thực phẩm. Cụ thể, Ô-xtrây-li-a đề xuất điều chỉnh MRL của hoạt chất Cyazofamid trong củ gừng từ 0,01 mg/kg lên 0,1 mg/kg. Dự thảo có tham chiếu các tiêu chuẩn Codex về MRL đối với thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y trong thực phẩm và mức dư lượng ngoại lai tối đa; tuy nhiên, Ô-xtrây-li-a cho biết một số mức đề xuất có thể khác Codex do sự khác biệt về thực hành nông nghiệp tốt, thực hành thú y tốt, điều kiện sản xuất, đối tượng dịch hại, dịch bệnh và yếu tố môi trường giữa các quốc gia, khu vực. Dự thảo dự kiến được thông qua, công bố và có hiệu lực kể từ tháng 01/2027. ***Thời hạn góp ý trước ngày 24/12/2026.***
17	G/SPS/N/ECU/402	CNTY	Ê-cu-a-đo	26/10/2026	Ê-cu-a-đo thông báo ban hành Quyết định số AGR-AGROCALIDAD/DE-2026-0049-R ngày 28/4/2026 về các biện pháp vệ sinh dịch tễ nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lây lan của vi rút gây bệnh dịch tả lợn châu Phi (African swine fever - ASF).	Ê-cu-a-đo thông báo ban hành Quyết định số AGR-AGROCALIDAD/DE-2026-0049-R ngày 28/4/2026 về các biện pháp vệ sinh dịch tễ nhằm ngăn ngừa sự xâm nhập và lây lan của vi rút gây bệnh dịch tả lợn châu Phi (African swine fever - ASF). Theo đó, Ê-cu-a-đo tiếp tục hạn chế nhập khẩu lợn sống và các sản phẩm từ lợn có nguy cơ lây truyền ASF từ các nước, vùng bị ảnh hưởng; chỉ miễn trừ đối với những mặt hàng được xếp vào nhóm hàng hóa an toàn nhờ quy

						trình công nghệ chế biến. Việc đánh giá rủi ro do Cơ quan Kiểm soát và Quy định Kiểm dịch Động thực vật của Ê-cu-a-đo (AGROCALIDAD) thực hiện, dựa trên Bộ Quy tắc Vệ sinh thú y đối với động vật trên cạn của Tổ chức Thú y thế giới, quy định hiện hành của Cộng đồng Andes và báo cáo kỹ thuật liên quan. Các mặt hàng được coi là an toàn gồm: sản phẩm thịt xử lý nhiệt trong bao bì kín hoàn toàn với giá trị F_0 (sử dụng nhiệt độ 121°C để loại bỏ/tiêu diệt tất cả các vi sinh vật có trong thực phẩm) từ 3 phút trở lên; gelatin; thức ăn khô cho thú cưng (dạng đùn ép); bột protein. Ngoài ra, các sản phẩm cũng được coi là an toàn nếu đồng thời đáp ứng ba điều kiện: (1) được chế biến tại cơ sở đã được cơ quan thú y nước xuất khẩu phê duyệt cho xuất khẩu và được AGROCALIDAD công nhận; (2) có nguồn gốc từ lợn đã qua kiểm tra trước và sau khi giết mổ, không phát hiện dấu hiệu lâm sàng hay tổn thương nghi ngờ ASF; (3) quy trình chế biến bảo đảm tiêu diệt vi rút ASF, cụ thể là xử lý nhiệt tối thiểu 30 phút ở nhiệt độ tối thiểu 70 °C trên toàn bộ sản phẩm, hoặc thịt lợn khô, ướp muối và ủ chín tối thiểu 6 tháng. Việc không tuân thủ sẽ bị xử phạt theo Luật Cơ bản về Vệ sinh Nông nghiệp. ***Quyết định được thông qua, công bố và có hiệu lực từ ngày 28/4/2026. Thời hạn góp ý trước ngày 25/12/2026.***

18	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.6	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	26/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc cập nhật Danh mục tại Phụ lục 4 của Quy định về Kiểm dịch thực vật, liên quan đến yêu cầu nhập khẩu đối với một số loại quả và cây trồng nhằm phòng ngừa sâu keo mùa thu *Spodoptera frugiperda.*	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc cập nhật Danh mục tại Phụ lục 4 của Quy định về Kiểm dịch thực vật, liên quan đến yêu cầu nhập khẩu đối với một số loại quả và cây trồng nhằm phòng ngừa sâu keo mùa thu *Spodoptera frugiperda.* Theo đó, thông báo cập nhật quy định về nhập khẩu thực vật và sản phẩm thực vật thuộc mục 39 và 114 trong Danh mục. Cụ thể:Mục 39 áp dụng đối với quả ớt (*Capsicum* L.), mướp đắng (*Momordica* L.), cà tím (*Solanum melongena* L.), *Solanum aethiopicum* L. và *Solanum macrocarpon* L. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải nêu rõ quả: (a) có nguồn gốc từ quốc gia không có sâu keo mùa thu; hoặc (b) có nguồn gốc từ vùng được Tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia (NPPO) của nước xuất khẩu đăng ký, kiểm tra và xác nhận không có sâu keo mùa thu; hoặc (c) nếu không thuộc hai trường hợp trên, phải đáp ứng đồng thời các điều kiện: được sản xuất từ vùng sản xuất do NPPO đăng ký và kiểm tra; được kiểm tra chính thức tại vùng sản xuất trong 3 tháng trước khi xuất khẩu và xác nhận không có sâu keo mùa thu; được kiểm tra chính thức trước khi xuất khẩu; NPPO lưu giữ thông tin truy xuất nguồn gốc nơi sản xuất; có biện pháp bảo vệ vật lý chống sự xâm nhiễm của sâu keo mùa thu tại nơi sản xuất. Mục 114 áp dụng đối với cây măng tây (*Asparagus officinalis* L.), ngô (*Zea mays* L.), cúc (*Chrysanthemum* L.), cẩm chướng

						(*Dianthus* L.) và phong lữ (*Pelargonium* l'Hérit.), trừ một số bộ phận được loại trừ như hạt giống, phấn hoa sống, mô nuôi cấy và hạt ngô. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật phải nêu rõ cây: (a) có nguồn gốc từ quốc gia không có sâu keo mùa thu; hoặc (b) từ vùng do NPPO đăng ký, kiểm tra và xác nhận không có sâu keo mùa thu; hoặc (c) từ nơi sản xuất đã được kiểm tra chính thức trước xuất khẩu và xác nhận không có sâu keo mùa thu, đồng thời đáp ứng các điều kiện: được sản xuất từ vùng do NPPO đăng ký và kiểm tra; được kiểm tra chính thức trong 3 tháng trước khi xuất khẩu; nơi sản xuất được cách ly vật lý với sâu keo mùa thu hoặc đã xử lý hiệu quả để bảo đảm không có sâu keo mùa thu; bảo đảm truy xuất nguồn gốc từ nơi sản xuất đến giai đoạn trước xuất khẩu. Thổ Nhĩ Kỳ lưu ý cần bảo đảm đáp ứng các yêu cầu kiểm dịch thực vật khi nhập khẩu các sản phẩm này từ tất cả các nước. ***Quy định được công bố vào ngày 06/5/2026 và có hiệu lực từ ngày 04/8/2026.***
						Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc cập nhật Danh mục tại Phụ lục 4 của Quy định về Kiểm dịch thực vật, liên quan đến yêu cầu nhập khẩu đối với cây thân gỗ và cây bụi rụng lá dùng để trồng. Theo đó, giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với cây thân gỗ và cây bụi rụng lá dùng để trồng (trừ hạt giống và cây nuôi cấy mô) nhập

19	G/SPS/N/TUR/23/Rev.1/Add.7	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	26/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ thông báo về việc cập nhật Danh mục tại Phụ lục 4 của Quy định về Kiểm dịch thực vật, liên quan đến yêu cầu nhập khẩu đối với cây thân gỗ và cây bụi rụng lá dùng để trồng.	khẩu từ tất cả các quốc gia, phải nêu rõ cây đang trong trạng thái ngủ nghỉ và không còn lá. Các nước và vùng lãnh thổ không chịu ảnh hưởng được liệt kê trong Quy định bao gồm An-ba-ni, An-giê-ri, An-đô-ra, Ác-mê-ni-a, A-déc-bai-gian, Bê-la-rút, Bô-xni-a và Héc-dê-gô-vi-na, Quần đảo Ca-na-ri, Ai Cập, Quần đảo Pha-rô, Gru-di-a, Cộng hòa Ai-xơ-len, I-xra-en, Gioóc-đa-ni, Li-băng, Li-bi, Lích-ten-xtanh, Cộng hòa Môn-đô-va, Mô-na-cô, Môn-tê-nê-grô, Ma-rốc, Bắc Ma-xê-đô-ni-a, Na Uy, Liên bang Nga (chỉ gồm Vùng Liên bang Trung tâm, Tây Bắc, Nam, Bắc Cáp-ca và Vôn-ga), San Ma-ri-nô, Xéc-bi-a, Thụy Sĩ, Xi-ri, Cộng hòa Tuy-ni-di, Liên minh châu Âu, U-crai-na và Vương quốc Anh (không bao gồm Bắc Ai-len). Thổ Nhĩ Kỳ lưu ý cần bảo đảm đáp ứng các điều kiện theo từng quốc gia và yêu cầu kiểm dịch thực vật nêu trong danh mục khi nhập khẩu các sản phẩm này. ***Quy định được công bố vào ngày 06/5/2026 và có hiệu lực từ ngày 04/8/2026.***
						Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ tiêu chuẩn thực phẩm Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân về việc sử dụng khẩn cấp các hoạt chất Metalaxyl-M và Dimethomorph để kiểm soát

20	G/SPS/N/AUS/642	TTBVTV	Ô-xtrây-li-a	23/10/2026	Ô-xtrây-li-a dự thảo sửa đổi Phụ lục 20 của Bộ tiêu chuẩn thực phẩm Ô-xtrây-li-a và Niu Di-lân về việc sử dụng khẩn cấp các hoạt chất Metalaxyl-M và Dimethomorph để kiểm soát bệnh thối cổ rễ do nấm *Phytophthora cactorum* trên cây dâu tây.	bệnh thối cổ rễ do nấm *Phytophthora cactorum* trên cây dâu tây. Theo đó, mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với Metalaxyl trên dâu tây được đề xuất tăng từ 0,6 mg/kg lên T2 mg/kg nhằm đáp ứng yêu cầu sử dụng khẩn cấp cho mùa vụ hiện tại, trong khi không có sự thay đổi nào đối với MRL của Dimethomorph. Theo thông báo, đầu năm 2026, các vườn ươm tại Ô-xtrây-li-a ghi nhận các đợt bùng phát bệnh do *Phytophthora cactorum* gây ra trên một giống dâu tây mới có mức độ mẫn cảm với bệnh cao hơn dự kiến. Cây giống đã được chuyển đến các cơ sở trồng dâu thương phẩm trước khi quy mô bùng phát được xác định đầy đủ. Đến tháng 7/2026, tỷ lệ thiệt hại cây trồng đã đạt 12% và dự kiến tiếp tục tăng. Hiện chưa có hoạt chất nào được đăng ký sử dụng để kiểm soát bệnh này trên cây dâu tây trồng ngoài đồng sau khi rời vườn ươm; chỉ có một hoạt chất được cấp phép sử dụng, theo phương pháp phun qua lá. Tuy nhiên, do bệnh gây hại ở rễ và cổ rễ, phương pháp này thường có hiệu quả hạn chế trong điều kiện áp lực bệnh từ trung bình đến cao. Theo cơ quan thông báo, việc bổ sung phương án sử dụng Metalaxyl-M và Dimethomorph nhằm hỗ trợ kiểm soát bệnh trong mùa vụ hiện tại, trong bối cảnh các biện pháp hiện có chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phòng trừ đợt bùng phát.

						Dự thảo sửa đổi dự kiến có hiệu lực kể từ tháng 11/2026.
21	G/SPS/N/EU/924/Add.1	CNTY, TTBVTV, BCT	Liên minh châu Âu	23/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định của Ủy ban Châu Âu 2026/2299 ngày 15/10/2026 về việc sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 liên quan đến mức giới hạn tối đa dư lượng đối với hoạt chất difenoconazole trong hoặc trên một số sản phẩm.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định của Ủy ban châu Âu 2026/2299 ngày 15/10/2026 về việc sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 396/2005 liên quan đến mức giới hạn dư lượng tối đa đối với hoạt chất difenoconazole trong hoặc trên một số sản phẩm. Nội dung của dự thảo Quy định đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/EU/924 ngày 04/3/2026. ***Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu và áp dụng từ ngày 5/5/2027.***
22	G/SPS/N/EU/942/Add.1	CNTY	Liên minh châu Âu	23/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2228 ngày 14/10/2026 về việc sửa đổi Quy định (EU) 2021/405 liên quan đến danh sách các nước thứ ba hoặc vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu các lô hàng một số động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng cho tiêu dùng của con người vào Liên minh châu Âu, phù hợp với Quy định (EU) 2017/625.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2228 ngày 14/10/2026 về việc sửa đổi Quy định (EU) 2021/405 liên quan đến danh sách các nước thứ ba hoặc vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu các lô hàng một số động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng cho tiêu dùng của con người vào Liên minh châu Âu, phù hợp với Quy định (EU) 2017/625. Nội dung của dự thảo Quy định đã được thông báo trước đó tại Thông báo số G/SPS/N/EU/942 ngày 27/4/2026. ***Quy định có hiệu lực vào ngày thứ 20 sau ngày được công bố trên Công báo của Liên minh châu Âu.***

23	G/SPS/N/KGZ/47	BCT	Ki-rơ-gi-xtan	23/10/2026	Ki-rơ-gi-xtan dự thảo Quyết định của Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quyết định số 299 ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Liên minh Hải quan.	Ki-rơ-gi-xtan dự thảo Quyết định của Ủy ban Kinh tế Á-Âu về việc sửa đổi Quyết định số 299 ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Liên minh Hải quan. Theo dự thảo, khi có các sửa đổi đối với Yêu cầu vệ sinh chung áp dụng cho các sản phẩm tại danh mục sản phẩm tại Quyết định số 299, các giai đoạn chuyển tiếp sẽ được thiết lập khi cần thiết cho việc có hiệu lực của các sửa đổi đó. Các quy định chuyển tiếp này có thể bao gồm: ngày có hiệu lực của các sửa đổi; thời hạn hiệu lực của các tài liệu đánh giá sự phù hợp đã cấp trước đó cũng như thời hạn không cho phép cấp mới; thời hạn cho phép sản xuất và lưu thông hàng hóa theo các yêu cầu bắt buộc trước đây khi đã có giấy tờ đánh giá sự phù hợp; và thời hạn cho phép sản xuất, lưu thông đối với hàng hóa trước đó chưa phải đánh giá sự phù hợp bắt buộc được bổ sung tại khoản 2-2. Ngoài ra, dự thảo cũng cập nhật một số thuật ngữ: "trên lãnh thổ Liên minh Hải quan" thay bằng trên lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu tại khoản 2-1, đoạn 18 và "tại biên giới hải quan và trên lãnh thổ hải quan của Liên minh Hải quan" thay bằng "tại biên giới hải quan và trên lãnh thổ hải quan của Liên minh Kinh tế Á-Âu" tại đoạn 3, khoản 3 mà không làm thay đổi bản chất của các yêu cầu vệ sinh hiện hành. ***Thời hạn tiếp nhận góp ý trước ngày 22/12/2026.***

24	G/SPS/N/UKR/272/Add.1	CNTY	U-crai-na	23/10/2026	U-crai-na thông báo về việc thông qua và đưa vào hiệu lực Nghị quyết số 1290 ngày 15/10/2026 quy định về đăng ký nhà nước, vận hành Sổ đăng ký nhà nước đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi và bãi bỏ một số nghị quyết liên quan.	U-crai-na thông báo về việc thông qua và đưa vào hiệu lực Nghị quyết số 1290 ngày 15/10/2026 quy định về đăng ký nhà nước, vận hành Sổ đăng ký nhà nước đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi và bãi bỏ một số nghị quyết liên quan. Theo đó, Nghị quyết quy định chi tiết về quy trình đăng ký nhà nước đối với phụ gia thức ăn chăn nuôi, gồm: trình tự nộp hồ sơ điện tử, thẩm quyền thẩm định của cơ quan được uỷ quyền, thời hạn hiệu lực của việc đăng ký, các trường hợp áp dụng thủ tục đăng ký rút gọn đối với phụ gia đã được quốc tế công nhận tương đương, cũng như quy định về hạn mức cho phép nhập khẩu phụ gia chưa đăng ký phục vụ nghiên cứu, trưng bày hoặc phát triển sản phẩm mới. Cụ thể, phụ gia chưa đăng ký được phép nhập khẩu tối đa 08 kg để phục vụ đăng ký và tối đa 20 kg đối với từng trường hợp trưng bày, nghiên cứu khoa học hoặc sử dụng nội bộ; đối với trường hợp sử dụng nội bộ, phụ gia, thức ăn chăn nuôi có sử dụng phụ gia đó và động vật được cho ăn bằng phụ gia đó không được đưa ra lưu thông. Đồng thời, dự thảo quy định riêng về việc vận hành Sổ đăng ký nhà nước về phụ gia thức ăn chăn nuôi, bao gồm cơ quan quản lý, quản trị hệ thống, yêu cầu phần mềm, nguồn tài chính, nội dung thông tin phải công khai, cơ chế cung cấp thông tin, bảo vệ dữ liệu và kết nối với các hệ thống đăng ký điện tử khác. Sổ đăng ký do

						Cơ quan Nhà nước về An toàn thực phẩm và Bảo vệ người tiêu dùng U-crai-na quản lý; thông tin đăng ký được công khai miễn phí, không giới hạn thời gian, đồng thời có thể được cung cấp dưới dạng dữ liệu mở hoặc trích lục điện tử. ***Nghị quyết đã được chính thức công bố và có hiệu lực từ ngày 21/10/2026.***
25	G/SPS/N/TUR/69/Rev.1/Add.1	BCT	Thổ Nhĩ Kỳ	21/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành quy định thuộc Bộ luật Thực phẩm về đồ uống có cồn chưng cất.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành quy định thuộc Bộ luật Thực phẩm về đồ uống có cồn chưng cất. Văn bản quy định các nguyên tắc và yêu cầu đối với việc chuẩn bị, chế biến, sản xuất, lưu kho, vận chuyển, bảo quản và đưa ra thị trường các loại đồ uống có cồn chưng cất, bao gồm định nghĩa, đặc tính và yêu cầu kỹ thuật đối với từng nhóm sản phẩm. Đồng thời, văn bản quy định các yêu cầu liên quan đến phụ gia, chất tạo hương, chất ô nhiễm, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, vệ sinh và ghi nhãn sản phẩm. Các cơ sở kinh doanh thực phẩm đã hoạt động trước ngày văn bản được công bố phải đáp ứng các quy định mới chậm nhất đến ngày 01/7/2027. Trong thời gian chưa đáp ứng các quy định mới, các cơ sở này tiếp tục phải tuân thủ quy định trước đây đã bị bãi bỏ theo Điều 22. Các sản phẩm đã được đưa ra thị trường trước ngày công bố hoặc đã hoàn tất kiểm tra chính thức khi nhập khẩu trước ngày đó được phép tiếp tục lưu thông trên thị trường trong thời hạn 18 tháng kể từ ngày công bố.

						Quy định có hiệu lực kể từ ngày 01/10/2026.
26	G/SPS/N/NZL/796	CNTY, TTBVTV, ATTP	Niu Di-lân	20/10/2026	Niu Di-lân dự thảo sửa đổi Thông báo thực phẩm về mức giới hạn tối đa dư lượng tối đa (MRL) đối với các hoá chất nông nghiệp.	Niu Di-lân dự thảo sửa đổi Thông báo thực phẩm về mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) đối với các hóa chất nông nghiệp. Dự thảo do Bộ Công nghiệp Cơ bản Niu Di-lân (Ministry for Primary Industries – MPI) xây dựng, đề xuất sửa đổi Thông báo thực phẩm được ban hành theo Luật Thực phẩm năm 2014, quy định mức MRL đối với các hợp chất nông nghiệp trong thực phẩm. Các sản phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh bao gồm rau, quả, sản phẩm có nguồn gốc động vật và các thực phẩm khác. Cụ thể, dự thảo đề xuất sửa đổi các mức MRL hiện hành đối với 7 hợp chất. Theo đó, mức MRL acetochlor là 0,04 mg/kg trong đậu Hà Lan xanh đã tách vỏ; clomazone là 0,01 mg/kg đối với đậu Hà Lan xanh đã tách vỏ, mỡ, thịt và phủ tạng động vật có vú, sữa, mỡ, thịt và phủ tạng gia cầm, trứng; cyantraniliprole là 0,01 mg/kg trong ngô; flufenacet là 0,05 mg/kg trong ngô, mỡ, thịt và phủ tạng động vật có vú và gia cầm, trứng, đồng thời là 0,01 mg/kg trong sữa; fluxapyroxad là 0,03 mg/kg trong quả kiwi; isofetamid giảm mức MRL trong nho từ 0,08 mg/kg xuống 0,04 mg/kg; mesotrione là 0,01 mg/kg đối với mỡ, thịt và phủ tạng động vật có vú và gia cầm, trứng và sữa. Dự thảo đồng thời bổ sung chlorine dioxide với mức MRL là 0,1 mg/kg trong mỡ bò, 0,05

						mg/kg trong thịt, gan và thận bò, 0,01 mg/kg trong sữa; sedaxane với mức 0,1 mg/kg trong khoai tây; và spidoxamat với mức 0,15 mg/kg trong táo và kiwi, 0,2 mg/kg trong nho. Bên cạnh đó, dự thảo đề xuất loại bỏ propamocarb do hợp chất này không còn được phép sử dụng tại Niu Di-lân. Ngoài ra, dự thảo đề xuất bổ sung quy định mức MRL đối với các hóa chất nông nghiệp sử dụng cho cây trồng quy mô nhỏ mà chưa có hướng dẫn sử dụng cụ thể trên nhãn sản phẩm. Các mức MRL đề xuất bao gồm: azoxystrobin là 5 mg/kg trong lý chua đen; fenhexamid là 1 mg/kg trong dưa chuột và 2 mg/kg trong cà tím, ớt ngọt và cà chua; flonicamid lần lượt là 0,2 mg/kg trong dưa chuột và 0,4 mg/kg trong cà tím, ớt ngọt và cà chua; fluopyram là 5 mg/kg trong nhóm quả mọng thuộc nhóm caneberry; flupyradifurone lần lượt là 0,4 mg/kg trong dưa chuột, 0,9 mg/kg trong ớt ngọt và 1 mg/kg trong cà chua; fluxapyroxad là 7 mg/kg trong dâu tây; lufenuron lần lượt là 0,8 mg/kg trong ớt ngọt và 0,4 mg/kg trong cà chua; methoxyfenozide lần lượt là 0,3 mg/kg trong dưa chuột và 2 mg/kg trong ớt ngọt và cà chua; penthiopyrad là 3 mg/kg trong dâu tây; sulfoxaflor là 0,5 mg/kg trong dâu tây; và spidoxamat là 1 mg/kg trong ớt ngọt và 3 mg/kg trong nhóm quả có hạch. Các đề xuất được xây dựng trên cơ sở đánh giá thực hành nông nghiệp tốt (GAP), dữ liệu dư lượng, nguy cơ phơi nhiễm qua chế độ ăn và các

						mức MRL quốc tế có liên quan. Dự thảo dẫn các tiêu chuẩn của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (Codex Alimentarius), bao gồm CAC/GL 84-2012 về lựa chọn sản phẩm đại diện để ngoại suy MRL thuốc bảo vệ thực vật cho các nhóm sản phẩm, CAC/MRL1 về MRL thuốc bảo vệ thực vật và CAC/MRL2 về MRL cũng như khuyến nghị quản lý nguy cơ đối với dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm. Ngày thông qua và ngày công bố dự kiến chưa được xác định. Thời điểm có hiệu lực sẽ được xác nhận sau khi hoàn thiện văn bản trên cơ sở kết quả tham vấn. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý là ngày 19/12/2026.***
27	G/SPS/N/PHL/547	TTBVTV, CLCB, CNTY, ATTP	Phi-líp-pin	20/10/2026	Phi-líp-pin ban hành Thông tư số 12/2025 quy định về thứ tự ưu tiên áp dụng mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) thuốc bảo vệ thực vật và chất ô nhiễm trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật tươi và sơ chế tối thiểu.	Phi-líp-pin ban hành Thông tư số 12/2025 quy định về thứ tự ưu tiên áp dụng mức giới hạn tối đa dư lượng (MRL) thuốc bảo vệ thực vật và chất ô nhiễm trong thực phẩm có nguồn gốc thực vật tươi và sơ chế tối thiểu. Theo đó, đối với dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, thứ tự ưu tiên áp dụng gồm tiêu chuẩn quốc gia Phi-líp-pin hoặc mức MRL tạm thời theo khuyến nghị của Cơ quan Phân bón và Thuốc bảo vệ thực vật (FPA), tiêu chuẩn Codex, tiêu chuẩn ASEAN và giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp phân tích hợp lệ. Đối với các chất ô nhiễm như vi sinh vật, kim loại nặng và độc tố nấm mốc, thứ tự ưu tiên áp dụng gồm tiêu chuẩn quốc gia Phi-líp-pin,

						tiêu chuẩn Codex, tiêu chuẩn ASEAN, tiêu chuẩn của nước xuất khẩu hoặc nước khác được Cục Công nghiệp thực vật Phi-líp-pin đánh giá và giới hạn định lượng (LOQ) hoặc giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp phân tích hợp lệ. Thông tư áp dụng đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật tươi và sơ chế tối thiểu nhập khẩu và tiêu thụ trong nước, có hiệu lực sau 15 ngày kể từ khi hoàn thành việc công bố và đăng ký theo quy định. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý là ngày 19/12/2026.***
28	G/SPS/N/USA/3561/Add.1	CNTY, ATTP	Hoa Kỳ	20/10/2026	Hoa Kỳ dự thảo Quy định về phụ gia thức ăn chăn nuôi và nước uống sử dụng cho động vật.	Hoa Kỳ dự thảo Quy định về phụ gia thức ăn chăn nuôi và nước uống sử dụng cho động vật. Cụ thể, Quy định cho phép sử dụng an toàn chromium propionate làm nguồn cung cấp crom trong thức ăn dành cho gà đẻ trứng và gà giống. Ngoài ra, quy định cũng sửa đổi thiết lập giới hạn hàm lượng crom từ chromium propionate trong thức ăn hoàn chỉnh cho gà thịt, gà đẻ trứng, gà giống và gà tây đang lớn không vượt quá 0,2 mg/kg (tương đương 0,2 ppm); đồng thời tổng hàm lượng crom từ mọi nguồn bổ sung không được vượt quá 0,2 ppm trong thức ăn hoàn chỉnh. Sửa đổi này chính thức có hiệu lực thi hành từ ngày 14/10/2026. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý trước ngày 13/11/2026.***

29	G/SPS/N/COL/436	CNTY, BCT, CLCB	Cô-lôm-bi-a	19/10/2026	Cô-lôm-bi-a dự thảo quy định về thủ tục cấp phép cho các cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn gốc động vật ở nước ngoài xuất khẩu sang Cô-lôm-bi-a.	Cô-lôm-bi-a dự thảo quy định về thủ tục cấp phép cho các cơ sở sản xuất thực phẩm có nguồn gốc động vật ở nước ngoài xuất khẩu sang Cô-lôm-bi-a. Dự thảo do Viện Giám sát Thuốc và Thực phẩm Quốc gia Cô-lôm-bi-a (Instituto Nacional de Vigilancia de Medicamentos y Alimentos – INVIMA) xây dựng, quy định trình tự và thủ tục hành chính để cấp phép cho các cơ sở sản xuất thực phẩm có nguy cơ cao đối với sức khỏe cộng đồng, có nguồn gốc động vật, tại nước ngoài xuất khẩu sang Cô-lôm-bi-a. Cụ thể, dự thảo áp dụng đối với các cơ sở sản xuất sữa và sản phẩm từ sữa, sản phẩm chế biến từ thịt, cá và sản phẩm thủy sản, sản phẩm từ trứng. Các cơ sở đăng ký phải đáp ứng điều kiện về kiểm soát thú y và an toàn thực phẩm; trong đó, nguyên liệu thịt sử dụng để chế biến phải có nguồn gốc từ quốc gia có hệ thống kiểm tra, giám sát và kiểm soát chính thức đối với thịt được INVIMA công nhận tương đương. Hồ sơ đề nghị cấp phép bao gồm đơn đăng ký, các chứng nhận liên quan đến kiểm soát vệ sinh và thú y, chứng từ nộp phí và các tài liệu khác theo quy định. Một số cơ sở chế biến thủy sản, thủy sản nuôi trồng, sữa thanh trùng và sữa bột phải cung cấp chứng nhận về việc triển khai và vận hành hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Points - HACCP).

						Dự thảo quy định INVIMA thực hiện thẩm định hồ sơ và có thể tiến hành kiểm tra trực tiếp tại cơ sở ở nước ngoài khi cần thiết. Trường hợp phát hiện các thiếu sót có thể khắc phục trong quá trình kiểm tra, cơ sở có tối đa 90 ngày theo lịch kể từ ngày nhận được thông báo về báo cáo kiểm tra để thực hiện các biện pháp khắc phục. Giấy phép cấp cho cơ sở có thời hạn 5 năm và có thể được gia hạn thêm 5 năm nếu đáp ứng các yêu cầu về hồ sơ và thời hạn nộp đề nghị gia hạn. INVIMA cũng có thể đình chỉ hoặc thu hồi giấy phép khi phát hiện các điều kiện vệ sinh không bảo đảm, gây nguy cơ đối với sức khỏe cộng đồng. Dự thảo dự kiến có hiệu lực sau 6 tháng kể từ ngày công bố trên Công báo chính thức; các đối tượng liên quan có thời hạn 1 năm kể từ ngày nghị quyết có hiệu lực để đáp ứng quy định. ***Thời hạn tiếp nhận ý kiến góp ý là ngày 18/12/2026.***
30	G/SPS/N/COL/422/Add.2	TTBVTV, CNTY	Cô-lôm-bi-a	19/10/2026	Cô-lôm-bi-a ban hành Nghị quyết số 00020056 ngày 13/10/2026 về việc bãi bỏ các Nghị quyết số 00015843 và số 00018742 ngày 23/9/2026, đồng thời ban hành các quy định khác	Cô-lôm-bi-a ban hành Nghị quyết số 00020056 ngày 13/10/2026 về việc bãi bỏ các Nghị quyết số 00015843 và số 00018742 ngày 23/9/2026, đồng thời ban hành các quy định khác. Theo đó, Hội đồng Bộ trưởng Ngoại giao của Cộng đồng Andean đã ban hành Quyết định số 970 vào ngày 01/10/2026 để gia hạn thời điểm có hiệu lực của Quyết định Andean số 960

						năm 2025 và Sổ tay Kỹ thuật kèm theo về đăng ký, kiểm soát, thương mại và sử dụng thuốc thú y đến ngày 02/10/2031, lộ trình thực hiện và các điều kiện quy định tại hai nghị quyết nêu trên của Viện Nông nghiệp Cô-lôm-bi-a (Instituto Colombiano Agropecuario - ICA) không còn phù hợp. Để bảo đảm tính thống nhất pháp lý và tiến hành hài hòa hóa quy định trong giai đoạn tiếp theo, Cô-lôm-bi-a ban hành Nghị quyết số 00020056 ngày 13/10/2026 bãi bỏ Nghị quyết ICA số 00015843 ngày 06/8/2026 và Nghị quyết ICA số 00018742 ngày 23/9/2026. Trong thời gian Quyết định Andean số 960 năm 2025 và Sổ tay Kỹ thuật Andean chưa có hiệu lực, hoạt động đăng ký, kiểm soát, thương mại và sử dụng các sản phẩm thú y trên lãnh thổ Cô-lôm-bi-a sẽ tiếp tục áp dụng theo các quy định quốc gia hiện hành gồm các Nghị quyết ICA số 1056 năm 1996, 588 năm 2000, 69245 năm 2020, 62542 năm 2020, 92288 năm 2021, 093858 năm 2021, 00001578 năm 2022, 7925 năm 2022, 14328 năm 2022 và các văn bản sửa đổi tương ứng. ***Nghị quyết số 00020056 được đăng trên Công báo số 53.657 ngày 13/10/2026 và chính thức có hiệu lực kể từ ngày công bố.***